

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 9 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Bà Lê Thị Quyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 183/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KT, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KT, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 28/4/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà và ông T chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thuận nhau về tính tình và sinh hoạt gia đình, thường xuyên cãi vã với nhau, dẫn đến chung sống không có hạnh phúc nên hai người sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay.

Về con chung: Bà và ông T có ba con chung gồm Phạm Đình V, sinh ngày 17/10/1997; Phạm Thị Gái N, sinh ngày 27/02/1999 và Phạm Thị Mỹ Ng, sinh ngày 09/10/2006.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông T được ly hôn; về con chung cháu Ng chưa thành niên có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dạy, nếu cháu muốn sống với bà thì bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu V và cháu N đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung là không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 25/5/2022, bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông và bà L xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chung sống không có hạnh phúc nên hai người sống ly thân khoảng hai năm nay.

Về con chung: Ông và bà L có ba con chung gồm Phạm Đình V, sinh ngày 17/10/1997; Phạm Thị Gái N, sinh ngày 27/02/1999 và Phạm Thị Mỹ Ng, sinh ngày 09/10/2006.

Nay ông thống nhất ly hôn với bà L; về con chung cháu Ng chưa thành niên có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dạy, nếu cháu muốn sống với ông thì ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu V và cháu N đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung là không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Phạm Văn T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà L và ông T.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T xác định hai người chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, chung sống không có hạnh phúc nên hiện tại hai người đã sống ly thân, nay bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn và ông T cũng đồng ý. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi hai bên cư trú xác định kể từ khi chung sống đến nay bà L và ông T không đăng ký kết hôn.

Xét thấy, bà L và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, kể từ khi chung sống đến nay tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng hai người không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, quan hệ hôn nhân của hai người chưa tuân thủ quy định về đăng ký kết hôn, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Theo Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Do đó, đối với khởi kiện của bà L yêu cầu ly hôn với ông T, không công nhận quan hệ giữa hai người là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà L và ông T có ba con chung gồm Phạm Đình V, sinh ngày 17/10/1997; Phạm Thị Gái N, sinh ngày 27/02/1999 và Phạm Thị Mỹ Ng, sinh ngày 09/10/2006.

Cháu Ng hiện chưa thành niên, ông T đang trực tiếp nuôi cháu vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, tại biên bản trình bày ngày 25/5/2022 cháu Ng có ý kiến trường hợp cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được chung sống với cha là ông T, do đó giao cháu Ng cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không xem xét. Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Ng mà không ai được cản trở. Đối với cháu V và cháu N đã thành niên nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà L và ông T xác định không có tài sản chung, không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà L chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 28/4/2022, bà L nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Mỹ Ng, sinh ngày 09/10/2006 cho ông Phạm Văn T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Phạm Thị Mỹ Ng mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 28/4/2022, bà L nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010463 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- CCTHADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHUM.

Bùi Văn Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

